

VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG TÔN GIÁO VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thúy Hương - Khoa Triết học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Nguyễn Trọng Tấn - Cao học K26, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ngày nhận bài: 22/12/2017; ngày sửa chữa: 25/12/2017; ngày duyệt đăng: 13/03/2018.

Abstract: Buddhism is not only a religion but also the largest Philosophical doctrine in the world. Buddhist doctrine has more or less deeply engraved in the thoughts and feelings of a majority of Vietnamese population. Therefore, studying Buddhism and recognizing the importance of this religion in life of Vietnamese is necessary to study history and make orientation for the development of personality and thinking of Vietnamese people in the future. In this article, authors focus on studying the influence of Buddhism on Vietnamese folklore, especially the Buddhist rituals influencing the religious beliefs of the ancient and modern Vietnamese people.

Keywords: Buddhism, indigenous culture, religion, role.

1. Mở đầu

Đạo Phật là một tôn giáo nhưng cũng là một học thuyết triết học lớn nhất trên thế giới. Đạo Phật được truyền bá vào Việt Nam khoảng thế kỉ II sau Công nguyên và đã nhanh chóng trở thành một tôn giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của người Việt, bên cạnh đạo Nho, đạo Lão và đạo Thiên chúa... Giáo lí nhà Phật đã ít nhiều in sâu vào tư tưởng, tình cảm của một số bộ phận lớn dân cư Việt Nam. Vì vậy, nghiên cứu Phật giáo và nhìn nhận, đánh giá nó là một nội dung quan trọng nhằm tìm hiểu lịch sử cũng như định hướng cho sự phát triển nhân cách, tư duy con người Việt Nam trong tương lai.

Ở bài viết này, chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu những ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn hóa dân gian của người Việt, đặc biệt là những nghi lễ của Phật giáo ảnh hưởng tới tín ngưỡng tôn giáo của người Việt xưa và nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phật giáo là một thành tố của tôn giáo và văn hóa Việt Nam

Người ta cho rằng, kết cấu văn hóa có thể phân ra làm 3 bình diện, bao gồm *vật chất, kết cấu* và *tinh thần*. Để tìm hiểu một nền văn hóa, trước tiên phải làm rõ kết cấu bên trong của nó. Khoa học kĩ thuật và tự nhiên của nhân loại có thể quy vào bình diện vật chất của văn hóa, đề cập mối quan hệ của con người với hoàn cảnh tự nhiên. Thể chế kinh tế, chính trị, xã hội của các quần thể nhân loại và cả hình thái lí luận của nó có thể quy vào bình diện kết cấu của văn hóa, nó đề cập đến mối quan hệ của con người với hoàn cảnh xã hội của họ. Còn tín ngưỡng tôn giáo, chuẩn mực đạo đức, quan niệm giá trị, hứng thú thẩm mỹ, phương thức tư duy có thể quy vào bình diện tinh thần và tâm lí của văn hóa, là “hạt nhân” và “linh

hồn” của văn hóa, nó quy định đặc tính và bản chất của văn hóa. Từ việc phân tích 3 bình diện trên, có thể nhận thấy rõ ý nghĩa to lớn của tôn giáo đối với văn hóa nói riêng và đối với toàn xã hội con người nói chung.

Vì vậy, có thể nói rằng, tôn giáo là một thành tố của văn hóa; hay nói cách khác, nếu văn hóa là một chỉnh thể thì tôn giáo là một thành tố.

Giá trị lớn nhất của đạo đức tôn giáo là góp phần duy trì đạo đức xã hội, hoàn thiện nhân cách cá nhân, hướng con người đến Chân - Thiện - Mĩ. Tuy nhiên, đạo đức tôn giáo cũng có những yếu tố tiêu cực, nó hướng con người đến hạnh phúc hư ảo và làm mất tính chủ động, sáng tạo của con người. Vấn đề đặt ra là, cần nhận diện đúng vai trò của đạo đức tôn giáo nhằm phát huy những giá trị tốt đẹp của tôn giáo và hạn chế những tác động tiêu cực của nó đối với việc hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam hiện nay.

Trước đây, trong một thời gian dài, chúng ta đã coi tôn giáo như là “tàn dư” của xã hội cũ, là kết quả sai lầm trong nhận thức của con người. Gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có những nhận định mang tính khách quan, khoa học về tôn giáo, xác định tôn giáo còn tồn tại lâu dài và có một số giá trị đạo đức phù hợp với lợi ích của toàn dân, với công cuộc xây dựng xã hội mới và do vậy, cần phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định chính sách tôn giáo, bảo vệ và tu tạo các di sản văn hóa tôn giáo.

Với tư cách là những thành tố tạo nên kiến trúc thượng tầng của xã hội, tôn giáo và đạo đức phản ánh tồn tại xã hội theo các cách khác nhau. Tôn giáo phản ánh một cách hư ảo hiện thực khách quan vào trong đầu óc con người; trong đó, cái hiện thực đã bị biến dạng, cái tự nhiên đã trở thành cái siêu nhiên; còn đạo đức phản ánh

các mối quan hệ của con người với nhau và với xã hội, đó là những mối quan hệ hiện thực.

Người theo tôn giáo phải sống theo những khuôn phép đạo đức hợp với tín điều của tôn giáo mình, hành động không phải chỉ là thực hành một số hình thức nghi lễ, mà còn phải sống theo những quy tắc đạo đức nhất định. Vì vậy, đương nhiên, một số nội dung của đạo đức trở thành bộ phận cấu thành nội dung của tôn giáo.

2.2. Phật giáo với những nghi lễ, phong tục tập quán tạo nên nét đậm đà bản sắc văn hóa Việt Nam

Phong tục tập quán thể hiện đặc sắc và tính đặc thù về văn hóa của mỗi dân tộc. Thông qua việc tìm hiểu phong tục tập quán, người ta tìm lại được những giá trị văn hóa mang bản chất truyền thống của các dân tộc. Đối với người Việt Nam, những phong tục tập quán chịu ảnh hưởng của Phật giáo khá nhiều. Cụ thể:

- *Tục ăn chay*: rất đông người Việt Nam chịu ảnh hưởng nếp sống văn hóa này. Ăn chay (hay ăn lạt) xuất phát từ quan niệm từ bi của Phật giáo - vì khi đã trở về với Phật pháp, mỗi người phật tử phải thọ giới và trì giới, trong đó giới căn bản là không sát sanh hại vật, mà trái lại phải thương yêu mọi loài. Trong hành động lời nói và ý nghĩ, người phật tử phải thể hiện lòng từ bi (điều không thể có được khi con người còn ăn thịt, còn uống máu chúng sinh). Để đạt được mục đích đó, phật tử phải dùng đến phương pháp ăn chay. Cổ nhiên, người xuất gia ăn chay trường, còn phật tử tại gia còn nhiều trở ngại nên chỉ ăn chay kì. Thông thường, người Việt Nam, cả phật tử lẫn người không phải phật tử cũng theo tục lệ đặc biệt này, họ ăn chay mỗi tháng hai ngày, là ngày mừng Một và ngày Rằm mỗi tháng, có người ăn mỗi tháng bốn ngày là ngày 01, 14, 15 và 30,...

- *Phóng sinh và bố thí*: Cũng xuất phát từ tinh thần từ bi của đạo phật, tục lệ bố thí và phóng sinh đã ăn sâu vào đời sống sinh hoạt của quần chúng. Đến ngày Rằm và mừng Một, người Việt thường hay mua chim, cá, rùa... để đem về chùa chú nguyện rồi đi phóng sinh. Người Việt cũng thích làm phước bố thí và sẵn sàng giúp đỡ kẻ nghèo khó, hoạn nạn, vào các ngày lễ hội lớn họ tập trung về chùa. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, những biểu hiện mang tính chất hình thức trên ngày càng bị thu hẹp. Thay vào đó, mọi người tham gia vào những đợt cứu trợ, tương tế cho các đồng bào gặp thiên tai, hoạn nạn, gặp hoàn cảnh sống gặp khó khăn đúng với truyền thống đạo lí của dân tộc "lá lành đùm lá rách".

- *Cúng Rằm, mừng Một và lễ chùa*: Theo đúng truyền thống tập tục cúng Rằm, mừng Một là tập tục cúng sóc vọng, tức là ngày mặt trời mặt trăng thông suốt nhau, cho nên thần thánh, tổ tiên có thể liên lạc, thông thương với con người, sự cầu nguyện sẽ đạt tới sự cảm ứng với các

cõi giới khác và sự cảm thông sẽ được thiết lập. Mừng Một cũng là ngày trong sạch để các vị tăng kiết điểm hành vi của mình, gọi là ngày Bồ tát và ngày sám hối, người tín đồ về chùa để tham dự lễ sám hối, cầu nguyện bỏ ác làm lành và sửa đổi thân tâm. Quan niệm ngày sóc vọng là những ngày trường tịnh, sám hối, ăn chay là xuất phát từ ảnh hưởng của Phật giáo Đại thừa. Ngoài việc đi chùa sám hối, khi ở nhà vào ngày Rằm và mừng Một, họ sắm đèn, nhang, hương hoa để dâng cúng Tam Bảo và tổ tiên, thể hiện lòng tôn kính, thương nhớ những người quá cố và cụ thể hóa hành vi tu tâm dưỡng tính của họ.

Bên cạnh việc đi chùa vào ngày Rằm, mừng Một, người Việt Nam còn có tập tục khác là đi lễ chùa, lễ Phật vào những ngày hội lớn như ngày Rằm tháng Giêng, Rằm tháng Tư (Phật Đản) và Rằm tháng Bảy (lễ Vu Lan). Đây là một tập tục, một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống người Việt. Tuy nhiên, đi viếng chùa cũng tùy thuộc vào mục đích và quan niệm của mỗi người. Cửa chùa bao giờ cũng rộng mở đối với thập phương bá tính, nhất là các ngày hội lớn của Phật giáo, của dân gian (tết Nguyên Đán) hoặc những ngày kỉ niệm lớn của lịch sử dân tộc. Vào những ngày này, đông đảo các tầng lớp nhân dân, các giới trong xã hội đều quy tụ về đây. Trước cánh cửa thiền môn, những khuôn mặt trang nghiêm, vẻ đẹp thanh thoát của hoa huệ, hoa cúc chen lẫn với hương trầm quyện tỏa tạo nên bầu không khí ấm cúng, linh thiêng, thể hiện tấm lòng thành kính của họ đối với Đức Phật và các bậc Thánh Hiền. Những hình ảnh đó đã góp phần tạo nên bản sắc và nét đẹp văn hóa của dân tộc Việt. Trong dòng người tấp nập, đông đảo đó, không phải ai cũng đến đây vì lí do tín ngưỡng thuần túy. Một số chỉ đơn giản muốn đi xem lễ hội hoặc thích chiêm ngưỡng vẻ đẹp của chùa chiền, nhưng khi đã hội nhập vào bầu không khí trang nghiêm họ cũng thấy mình trở nên đĩnh đạc và trầm tĩnh hơn.

- *Các nghi thức ma chay, cưới hỏi*:

+ *Về ma chay*: Phong tục của người Việt Nam và Trung Hoa trước đây rất phiền phức và hao tốn. Tuy nhiên, nhờ có sự dẫn dắt của chư tăng thì tang lễ diễn ra đơn giản và trang nghiêm hơn. Khi trong gia đình (theo Đạo Phật) có người qua đời, thân quyến đến chùa thỉnh chư tăng về nhà để giúp đỡ phân tang lễ (thường gọi là làm ma chay). Thông thường các nghi thức trong tang lễ được diễn ra tuần tự như sau: 1) Nghi thức nhập liệm người chết; 2) Lễ phát tang; 3) Lễ tiền linh (cúng cơm); 4) Khóa lễ kỉ siêu cho hương linh; 5) Lễ cáo Triều Tổ (cáo tổ tiên ông Bà trước giờ di quan); 6) Lễ di quan và hạ huyệt; 7) Đưa lư hương, long vị, hình vong về nhà hoặc chùa; 8) Lễ an sàng; 9) Cúng thất (tụng kinh cầu siêu và cúng cơm cho hương linh trong bảy tuần gồm 49 ngày, mỗi tuần cúng một lần); 10) Lễ tiểu tường (giáp

năm, sau ngày hương linh mất một năm); 11) Lễ đại tường (lễ xả tang, sau ngày hương linh qua đời hai năm) [6]. Ở những gia đình không theo Đạo Phật nhưng do người quá cố hoặc gia chủ mến chuộng Đạo Phật nên họ thỉnh chư tăng, ni đến tụng kinh cầu siêu cho hương linh và tổ chức tang lễ giống như những tín đồ theo Đạo Phật.

+ *Về cưới hỏi*: Trước khi tiến tới hôn nhân, nhiều đôi bạn trẻ theo tín ngưỡng Phật giáo thường đến chùa khấn nguyện với chư Phật phù hộ cho mối lương duyên của họ được “thuận buồm, xuôi gió”. Đến ngày cưới hỏi, họ được hướng dẫn về chùa để chư tăng làm lễ “hằng thuận quy y” trước khi rước dâu. Đó là một lễ chúc lành ngắn gọn và được chư tăng khuyên dạy một số nguyên tắc đạo đức Phật giáo, để làm kim chỉ nam cho cuộc sống mới.

Ngoài những phong tục của người Việt Nam chịu ảnh hưởng Phật giáo đã được kể trên, chúng ta còn thấy một số tập tục khác cũng tương đối phổ biến và có ít nhiều liên quan đến Phật giáo cần phải ghi nhận.

2.3. Nghệ thuật, kiến trúc Phật giáo góp phần tạo nên giá trị đặc sắc về văn hóa tôn giáo

- *Về kiến trúc*: Khi Phật giáo truyền vào Việt Nam, có nhiều đã đem theo các kiểu kiến trúc chùa tháp, lầu chuông gác trống theo mô hình kiến trúc của Ấn Độ, Miến Điện và Trung Hoa. Tuy nhiên theo thời gian, tinh thần khai phóng của Phật giáo phối hợp cùng với lối tư duy tổng hợp của dân tộc Việt đã tạo ra một mô hình kiến trúc rất riêng cho Phật giáo ở Việt Nam. Chùa tháp ở Việt Nam thường được xây dựng với lối kiến trúc đặc biệt, mái chùa bao giờ cũng ẩn dấu sau lũy tre làng, dưới gốc cây đa hay ở một nơi có cảnh trí thiên nhiên đẹp hoặc thanh vắng.

Mô hình kiến trúc theo kiểu chữ “Công”: bái đường và điện Phật được nối nhau bằng nhà thiên hương; kiểu chữ “Đỉnh”: trước; kiểu chữ “Tam”: có ba nếp nhà song song với nhau, hay kiểu “Nội công ngoại Quốc”: phía trước là tiền đường và điện Phật, sau là mảnh sân hình vuông trồng cây cảnh, đặt hòn non bộ, phía sau là nhà hậu tổ, hai bên là nhà Đông và nhà Tây. Phật giáo để lại nhiều quần thể kiến trúc độc đáo và danh lam thắng cảnh cho nước Việt, nhiều ngôi chùa nổi tiếng như ở miền Bắc có chùa Một Cột, chùa Tây phương, chùa Hương, ở miền Trung có chùa Thiên Mục, chùa Từ Hiếu, chùa Báo Quốc; và ở miền Nam có các chùa Giác Lâm, chùa Vĩnh Tràng...

- *Về điêu khắc*: Ngày nay, khi có dịp tham quan viện bảo tàng lớn ở Việt Nam, chúng ta sẽ thấy nhiều cốt tượng, phù điêu của Phật giáo được trưng bày, đó không những là một niềm tự hào của nền văn hóa dân tộc Việt mà còn là dấu vết chứng minh sự ảnh hưởng của Phật giáo có mặt trong lĩnh vực này. Tiêu biểu ta thấy có các tác phẩm như: tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay ở Chùa Hạ (Vĩnh Phú, Bắc Việt, cao 3,2m); 16 pho tượng tổ gỗ của chùa

Tây Phương (Hà Tây, Bắc Việt); Bộ tượng Thập Bát La Hán ở chùa Phước Lâm (Hội An, Quảng Nam Đà Nẵng); Bộ tượng Thập Bát ở chùa Tràng (Mĩ Tho), tượng Tuyết Sơn ở chùa Trăm Gian (Hà Tây); tượng Phật Thích Ca, cao 1,07m bằng đồng là hiện vật Bảo tàng lịch sử TP. Hồ Chí Minh... là những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc độc đáo của Việt Nam. Ngoài ra còn có những công trình điêu khắc quy mô và mang tính lịch sử như tượng “Phật Nhập Niết Bàn” dài 49m ở núi Trá Cú, Phan Thiết được kiến tạo năm 1962, tượng Đức Phật Thích Ca ngồi kiết già cao 11m tại Vũng Tàu, khánh thành ngày 10/3/1963; tượng “Kim thân Phật tổ” cao 24m ở chùa Long Sơn, TP. Nha Trang được thực hiện vào năm 1964.

- *Về hội họa*: Mái chùa cổ kính giữa núi non tĩnh mịch hay các lễ hội viếng chùa ngày đầu xuân hoặc tư tưởng độc đáo của triết học, của thiền học Phật giáo luôn là đề tài tạo nhiều cảm hứng cho các nghệ nhân và họa sĩ Việt Nam. Nhiều tranh lụa, tranh màu nước, sơn dầu, sơn mài đề cập đến Phật giáo đã được các họa sĩ, nghệ nhân lên tuổi ở Việt Nam thể hiện một cách sống động và tinh tế qua các tác phẩm như “chùa Thầy” của Nguyễn Gia Trí sáng tác năm 1938, “Lễ Chùa” của Nguyễn Siêu, “Bức Tăng” của Đỗ Quang Em, “Đi Lễ Chùa” của Nguyễn Khắc Vĩnh. Đặc biệt từ thập niên tám mươi của thế kỉ XX trở lại đây, có “Thiền Quán”, “Quan Âm Thị Hiện”; “Bích Nhân”, “Rừng Thiền” của họa sĩ Phương Hồng, “Hồi Đầu Thị Ngạn” của Huỳnh Tuấn Bá; “Nhất Hoa Vạn Pháp” của Văn Quan...

Đến đây, có thể kết luận rằng, những tư tưởng và hình ảnh của Phật giáo đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong phong tục tập quán, trong văn học và nghệ thuật của người Việt Nam và nó sẽ tiếp tục tỏa sáng những tinh hoa độc đáo cho dân tộc Việt nói riêng và cả nhân loại nói chung trong tương lai.

2.4. Phật giáo góp phần làm phong phú đời sống tôn giáo, văn hóa ở Việt Nam:

- *Phật giáo và sự dung hòa với các tín ngưỡng truyền thống*:

Khi được truyền vào Việt Nam, Phật giáo đã tiếp xúc ngay với các tín ngưỡng bản địa, do vậy đã kết hợp chặt chẽ với các tín ngưỡng này. Biểu tượng chùa Tứ Pháp thực ra vẫn chỉ là những đền miếu dân gian thờ các vị thần tự nhiên Mây, Mưa, Sấm, Chớp và thờ Đá. Lối kiến trúc của chùa chiền Việt Nam là tiền Phật hậu Thần cùng với việc thờ trong chùa các vị thần, các vị thánh, các vị thành hoàng thổ địa và vị anh hùng dân tộc. Chính vì tinh thần “khai phóng” này mà về sau phát sinh những hậu quả mê tín dị đoan bên trong Phật giáo như xin xăm, bói quẻ, cầu đồng... Các nhà nghiên cứu nước ngoài rất ngạc nhiên khi thấy Phật giáo Việt Nam dung nạp dễ dàng các tín ngưỡng đa thần của bản địa trong khi các quốc gia

trong vùng thì không có. Có nên gạt bỏ loại hình tín ngưỡng truyền thống này ra khỏi Phật giáo không? Đây vẫn là một vấn đề rất tế nhị, tuy nhiên, ta phải thừa nhận rằng tinh thần dung hòa và khai phóng của Phật giáo Việt Nam là một trong những nét đặc trưng đáng chú ý.

- *Phật giáo và sự dung hòa với các tôn giáo khác:*

Đó là kết quả của sự phối hợp và kết tinh của Đạo Phật với đạo Nho và đạo Lão, được các nhà vua thời Lý công khai hóa và hợp pháp hóa. Chính vì đặc tính dung hòa và điều hợp này mà Phật giáo Việt Nam đã trở thành tín ngưỡng truyền thống của dân tộc Việt. Nó chẳng phải Phật giáo Ấn Độ hay Trung Hoa, Tiểu Thừa hay Đại Thừa, mà là tất cả những khuynh hướng tâm linh của người dân Việt. Nó thực ra là cái “Đông Qui Nhi Thù Đồ”, cùng về một đích mà đường lối khác nhau, chính tinh thần khai phóng của Phật giáo Việt Nam đã kết tinh lấy Chân, Thiện, Mĩ làm cứu cánh để thực hiện. Nho giáo thực hiện cứu cánh ấy bằng con đường Thiện, tức là hành vi đạo đức để tới chỗ nhất quán với Mĩ và Chân. Đạo giáo thực hiện cứu cánh ấy bằng con đường Mĩ, tức là tâm lí nghệ thuật để tới chỗ nhất quán với Thiện và Chân. Phật giáo thực hiện cứu cánh ấy bằng con đường trí tuệ giác ngộ để đạt tới chỗ nhất quán Chân, Thiện, Mĩ. Đó là thực tại Tam Vi Nhất của tinh thần tam Giáo Việt Nam. Trong nhiều thế kỉ, hình ảnh “Tam giáo tổ sư” với Phật Thích Ca ở giữa, Lão Tử bên trái và Khổng Tử bên phải đã in sâu vào tâm thức của người dân Việt.

- *Phật giáo và sự dung hòa giữa các tông phái Phật giáo:*

Đây là một nét đặc trưng rất riêng biệt của Phật giáo Việt Nam so với các quốc gia Phật giáo láng giềng. Chẳng hạn như Thái Lan, Tích Lan, Lào, Campuchia chỉ có Phật giáo Nam Tông, ở Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Mông Cổ thuần túy chỉ có Phật giáo Bắc Tông. Nhưng ở Việt Nam thì lại dung hòa và điều hợp cả Nam Tông và Bắc Tông. Chính vì tinh thần “khề lí khề cơ” của Phật giáo cộng với tinh thần “khai phóng” của Phật giáo Việt Nam mới có được kết quả như vậy. Tuy nhiên tông chủ trương bất lập văn tự, song ở Việt Nam, chính các vị thiền sư xưa lẫn nay đã để lại rất nhiều trước tác có giá trị, đặc biệt các thiền viện ở Việt Nam điều tụng kinh gõ mõ như các tự viện Tông Tịnh Độ. Dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi thì kết hợp với Mật Giáo, có nhiều thiền sư phái này như ngài Vạn Hạnh, Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không điều nổi tiếng là giỏi phép thuật trong việc trừ tà, chữa bệnh. Điều đặc sắc ở đây là trong khi khai triển Phật giáo Việt Nam, các thiền sư Việt Nam đã không theo thiền kiểu mẫu của các thiền sư Ấn Độ và Trung Hoa mà mở lấy một con đường riêng, phù hợp với dân tộc. Và trong khi tiếp nhận với hai luồng ảnh hưởng ấy, các thiền sư Việt Nam đã khéo léo điều chỉnh tính hai cực, Ấn Độ - Trung Hoa: một bên thì quá ham chuộng sự bay bổng, thần bí, một bên quá thực tiễn duy lí. Khi Phật giáo vào Trung

Hoa đã tạo cho các nhà Phật học những cuộc tranh luận sôi nổi về giáo pháp. Rồi suốt cả quá trình lịch sử của nó là sự phát sinh ra những tôn giáo, là những cuộc đấu tranh tư tưởng dữ dội, điển hình là cuộc đấu tranh giữa phái Thiền Nam Phương của Huệ Năng với Thiền Phái Miền Bắc của Thần Tú vào thời kì sơ đường. Còn ở Việt Nam thì khác, trên pháp đàn tư tưởng thời Lý cũng như thời Trần, thời kì vàng son của Phật giáo Việt Nam và các thời kì sau này không có những mâu thuẫn đối lập mà tất cả điều quy về một mục đích chính là tu hành giải thoát. Phải chăng sự thống nhất về ý thức tư tưởng, dung hòa giữa các tông phái và đoàn kết dân tộc đã uốn nắn Phật giáo Việt Nam theo con đường dung hòa thống nhất đó?

3. Kết luận

Nói tóm lại, trong một nền văn hóa có tồn tại nhiều tôn giáo. Trong bức tranh văn hóa tôn giáo đan xen vào nhau phức tạp này, chúng ta thấy rõ tính thống nhất được thể hiện trong tính đa dạng của nó, tính cộng đồng được phản ánh trong tính khác biệt của nó. Những trình bày trên đã góp phần làm rõ vai trò và vị trí của Phật giáo trong đời sống tinh thần của người Việt. Từ đó, chúng ta mới có thể tìm ra được biện pháp phù hợp nhất nhằm kết hợp Phật giáo và các tôn giáo khác cũng như tạo ra sự hài hòa trong văn hóa Việt Nam, tìm ra được con đường đi đúng đắn trong phát triển văn hóa nước nhà, đáp ứng quá trình hội nhập ngày càng sâu, rộng với thế giới.

* *Bài viết là công trình nghiên cứu được tài trợ bởi đề tài cấp Bộ: “Tôn giáo mới và tác động của nó đến đời sống xã hội tại miền Bắc Việt Nam hiện nay”, mã số KHXH - 26, thực hiện năm 2017-2018*

Tài liệu tham khảo

- [1] Trác Tân Bình (2007). *Li giải Tôn giáo*. NXB Hà Nội.
- [2] Ban tư tưởng Văn hóa Trung ương (2002). *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Lê Hữu Nghị - Nguyễn Đức Lữ (2003). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo*. NXB Tôn giáo.
- [4] Phan Ngọc (1994). *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [5] Trần Đăng Sinh (2002). *Những khía cạnh Triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [6] Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1996). *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*. NXB Khoa học xã hội.
- [7] Trần Quốc Vượng (chủ biên, 1996). *Văn hóa đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.